TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **35**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-7-2024
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Tạ Thị Ngọc Điệp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hồng Khanh;

2. Bà Phan Thị Thiện.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyên Trọng Duy, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Lê Thị N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn**: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Bà Lê Thị N (nguyên đơn) và ông Phạm Văn Đ (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 18/6/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk

Lắk. Qua quá trình chung sống với nhau được một thời gian hạnh phúc thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung, các bên đã nhiều lần hòa giải về với nhau nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Phạm Minh N1, sinh ngày 25/8/2018. Hiện tại các cháu đang sống chung với nguyên đơn và bị đơn. Sau khi ly hôn, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B, giao cháu Phạm Minh N1 cho bị đơn chăm sóc và nuôi dưỡng cho khi cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn xác định vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm, dẫn đến cãi vã lẫn nhau, đến nay cả hai vẫn chưa ngồi lại với nhau để giải quyết mâu thuẫn. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bị đơn không đồng ý, vì bị đơn vẫn còn tình cảm với nguyên đơn và muốn được tiếp tục cùng chung sống với nhau để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Phạm Minh N1, sinh ngày 25/8/2018. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì nguyện vọng của bị đơn muốn được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Minh N1 và giao cháu Phạm Gia B cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản ghi ý kiến ngày 21/5/2024 của cháu Phạm Gia B, nguyện vọng của cháu mong muốn ở với mẹ là bà Lê Thị N.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 02/8/2015 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Giao cháu cháu Phạm Minh N1, sinh ngày 25/8/2018 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Phạm Văn Đ có nơi cư trú tại thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết vắng mặt tất cả các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E vào ngày 18/6/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, hòa giải để các đương sự hiểu và về chung sống, đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả. Phía ông Đ có ý kiến còn thương yêu bà N nhưng không thăm hỏi, không gặp gỡ trao đổi, bàn bạc tháo gỡ mâu thuẫn, không thể hiện được thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm, còn bà N vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N, ông Đ đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Phạm Gia B, sinh ngày 02/8/2015 và cháu Phạm Minh N1, sinh ngày 25/8/2018. Nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B và nguyện vọng của cháu B cũng muốn được ở với nguyên đơn. Vợ chồng thống nhất sau khi ly hôn giao cháu Phạm Minh N1 cho bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến khi đủ tuổi thành niên. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Gia B cho nguyên đơn và giao cháu Phạm Minh N1 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia B, sinh ngày 02/8/2015 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên và giao cháu Phạm Minh N1, sinh ngày 25/8/2018 cho ông Phạm Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0006766 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Ngọc Điệp